|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN DÂN TỘC**  **TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC**  **ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ NĂM HỌC 2022 – 2023**  **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10**  *Thời gian 180 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I (4 điểm)**

***1. Trái đất + Thạch quyển***

a. Tại sao có sự thay đổi số ngày (đêm) địa cực từ vòng cực đến cực?

b. Tại sao các địa hình dòng chảy vừa có dạng bồi tụ, vừa có dạng bào mòn?

***2. Thổ nhưỡng + Sinh quyển***

a. Giải thich tại sao đất ở vùng núi thấp miền nhiệt đới gió mùa có tầng đất dày, chua, màu đỏ vàng?

b. Tại sao sinh quyển lại có giới hạn rất rộng?

**Câu II (4 điểm)**

***1. Các quy luật địa lý***

a. Chứng minh rằng sự phân bố nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất thể hiện rõ quy luật địa đới và phi địa đới.

b. Tại sao trong các thành phần tự nhiên tính phi địa đới lại thể hiện rõ nhất ở địa hình?

***2. Thuỷ quyển***

a. Nêu sự khác biệt giữa sông ngòi ở miền núi và sông ngòi ở đồng bằng.

b. Tại sao trong các biển và đại dương, chế độ thủy triều, sóng và dòng biển không giống nhau?

**Câu III (4 điểm)**

***1. Khí quyển – lý thuyết chung***

a. Vì sao độ ẩm tương đối ở Xích đạo và vùng cực đều cao nhưng ở xích đạo mưa nhiều còn ở vùng cực mưa ít?

b. Tại sao giữa chí tuyến và địa cực có sự khác nhau về nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm, khí áp?

**2. *Khí quyển nâng cao + biến đổi khí hậu***

a. Vì sao cùng có mưa quanh năm nhưng ở kiểu khí hậu Xích đạo mưa lớn, thường xuyên còn ở kiểu khí hậu ôn đới hải dương mưa ít hơn, thất thường, mưa nhiều hơn vào thu đông?

b. Nội lực ảnh hưởng như thế nào đến biến đổi khí hậu trên trái đất?

**Câu IV (3 điểm)**

***1. Dân cư đại cương***

a. Phân biệt tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

b. Tại sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân ngày càng có xu hướng tăng lên?

***2. Chuyên đề đô thị hóa***

Tại sao tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước đang phát triển gần đây nhanh hơn các nước phát triển?

**Câu V (5 điểm)**

***1. Nguồn lực phát triển kinh tế và cơ cấu nền kinh tế***

a. Phân tích mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài của một quốc gia.

b. Quá trình công nghiệp hoá có tác động như thế nào đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ?

***2. Bảng số liệu***

CƠ CẤU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TOÀN THẾ GIỚI

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn năng lượng** | **1860** | **1960** | **2002** | **2021** |
| Gỗ, củi | 80 | 11 | 3 | 1 |
| Than | 18 | 37 | 15 | 13 |
| Dầu mỏ, khí đốt | 2 | 44 | 56 | 45 |
| Năng lượng nguyên tử và thủy điện | 0 | 8 | 16 | 27 |
| Năng lượng mới (gió, mặt trời…) | 0 | 0 | 10 | 14 |

Từ bảng số liệu rút ra nhận xét về sự thay đổi cơ cấu năng lượng của thế giới giai đoạn 1860 - 2021 và giải thích.

**-------------- HẾT --------------**

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).*

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:………………………….

**Người ra đề: Nguyễn Phúc Long Vân**

**SĐT: 0948084127**

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN DÂN TỘC**  **TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI: 10** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Câu I (4,0 điểm)** | **1** | **Trái đất + Thạch quyển** | ***2,0*** |
| ***a. Tại sao có sự thay đổi số ngày (đêm) địa cực từ vòng cực đến cực?***  - Biểu hiện:  + Ngày (đêm) địa cực là ngày (đêm) dài 24h. Hiện tượng này chỉ diễn ra từ vòng cực tới cực.  + Sự thay đổi: từ vòng cực đến cực số ngày (đêm) địa cực càng tăng:  Tại vòng cực: có 1 ngày (đêm) địa cực.  Tăng dần và lớn nhất ở cực: 6 tháng là ngày địa cực, 6 tháng là đêm địa cực.  - Nguyên nhân:  + Do Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời với trục nghiêng 66­­­033' và không đổi phương nên vòng cực 66­­­033'là vị trí mà đường phân chia sáng tối tạo được góc lớn nhất với trục Trái Đất, phơi toàn bộ vòng cực đến cực ra sáng (hoặc khuất hoàn toàn trong tối). Vì thế chỉ vòng cực đến cực xuất hiện hiện tượng này.  + 21/3 đến 23/9: 21/3 Mặt Trời lên thiên đỉnh tại xích đạo, đường phân chia sáng tối trùng trục Trái Đất, sau đó di chuyển dần từ cực Bắc đến 22/6 là vòng cực Bắc, rồi lại di chuyển về cực Bắc vào 23/9. Vì thế thời gian này, số này hoàn toàn được phơi sáng sẽ tăng dần từ 1 ngày ở vòng cực Bắc, càng gần cực càng tăng, tới cực Bắc là 186 ngày địa cực.  + 23/9 đến 21/3: ngược lại là hiện tượng đêm địa cực tăng từ 1 ngày ở vòng cực Bắc đến 179 ngày tại cực Bắc  + Ở vòng cực Nam đến cực Nam: hiện tượng ngược lại. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b. Tại sao các địa hình dòng chảy vừa có dạng bồi tụ, vừa có dạng bào mòn ?***  - Địa hình do nước chảy tạo thành có tên gọi chung là địa hình dòng chảy. Trong hoạt động của dòng chảy bao giờ cũng tồn tại hai quá trình ngược nhau là quá trình xâm thực và quá trình bồi tụ.  - Tùy theo tương quan giữa quá trình xâm thực và quá trình bồi tụ mà địa hình do dòng chảy tạo thành có thể khác nhau rõ rệt.  + Khi quá trình xâm thực, bào mòn chiếm ưu thế, địa hình chủ yếu là bào mòn….  + Khi quá trình tích tụ phát triển (đồng bằng, cửa sông,…) địa hình chủ yếu là bồi tụ…. | 0,25  0,25 |
| **2** | **Thổ nhưỡng + Sinh quyển** | ***2,0*** |
| ***a. Giải thich tại sao đất ở vùng núi thấp miền nhiệt đới gió mùa có tầng đất dày, chua, màu đỏ vàng?***  - Đất chịu tác động tổng hợp của nhiều nhân tố….  - Nhiệt cao ẩm lớn nên phong hóa diễn ra mạnh làm cho đất có tầng phong hóa dày.  - Mưa nhiều, tập trung theo mùa nên rửa trôi các chất bazơ dễ tan Ca2+, Mg 2+, K+… nên đất chua.  - Đồng thời tích tụ ôxit sắt, ôxit nhôm nên đất có màu đỏ vàng. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b. Tại sao sinh quyển lại có giới hạn rất rộng?***  *- Do sự phát triển và phân bố sinh vật chịu tác động tổng hợp của nhiều nhân tố:* đất đai, khí hậu, địa hình, con người, sinh vật.  *+ Khí hậu* có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố sinh vật thông qua yếu tố nhiệt độ, ánh sáng (dc).  *+ Nước:* nguyên liệu cho cây quang hợp, phương tiện vận chuyển trao đổi khoáng…  *+ Đất*: các đặc tính lí hóa và độ phì của đất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật (dc).  *+ Địa hình:* ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật thông qua độ cao, độ dốc, hướng sườn (dc).  *+ Sinh vật*: ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển và phân bố của thực vật và động vật thông qua chuỗi thức ăn (dc).  + *Con người*: làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng và vật nuôi (dc).  - *Mà các nhân tố trên có sự phân bố rất rộng:*  + Điều kiện nhiệt, ẩm của khí hậu cho sinh vật phát triển có giới hạn trên là nơi tiếp giáp với tầng ozon. Thủy quyển là môi trường nước phù hợp với các loài sinh vật dưới nước, có giới hạn dưới là vực thẳm đại dương ( sâu hơn 11km).  + Trên lục địa, lớp vỏ phong hóa vẫn có các chất vô cơ cho một số sinh vật phát triển, giới hạn dưới đến tận đáy vỏ phong hóa… | 0,5  0,25  0,25 |
| **Câu II (4,0 điểm)** | **1** | **Các quy luật địa lý** | ***2,0*** |
| ***a. Chứng minh rằng sự phân bố nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất thể hiện rõ quy luật địa đới và phi địa đới.***  - *Quy luật địa đới:*  *+* Khái niệm; nguyên nhân….  + Biểu hiện:  > Trên TĐ hình thành 7 vòng đai nhiệt…  > Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng giảm dần từ xích đạo về 2 cực…  > Biên độ nhiệt năm có xu hướng tăng dần từ xích đạo về 2 cực….  > Biên độ nhiệt ngày có xu hướng giảm dần từ xích đạo về 2 cực…  *- Quy luật Phi địa đới:*  + Khái niệm, nguyên nhân…  + Biểu hiện:  *> Nhiệt độ phân bố theo lục địa và đại dương:*  • Nhiệt độ TB năm cao nhất, thấp nhất đều nằm trên lục địa.  • Đại dương có biên độ dao động nhiệt nhỏ; lục địa có biên độ dao động nhiệt lớn.  • Nhiệt độ TB năm ở chí tuyên lớn hơn ở xích đạo.  *> Phân bố theo địa hình:*  • Phân bố theo độ cao.  • Hướng sườn.  • Các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến…hình thành quy luật địa ô. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b.Tại sao trong các thành phần tự nhiên tính phi địa đới lại thể hiện rõ nhất ở địa hình?***  - Khái niệm quy luật phi địa đới  - Nguyên nhân:  + Nguyên nhân sinh ra quy luật phi địa đới là nội lực, mà nội lực góp phần quan trọng tạo ra các lục địa, đại dương, núi cao...  + Lục địa, đại dương, núi cao... là các dạng địa hình tạo ra nguyên nhân cơ bản của tính địa ô, tính đai cao (nêu ngắn gọn)  + Địa hình là yếu tố tạo nên tính phi địa đới của các thành phần tự nhiên khác như khí hậu, đất đai, sinh vật (ví dụ). | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Thuỷ quyển** | ***2,0*** |
| ***a. Nêu sự khác biệt giữa sông ngòi ở miền núi và sông ngòi ở đồng bằng.***  - Sông ngòi ở miền núi:  + Lòng sông hẹp, độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh và nước chảy mạnh.  + Nước sông dâng lên , xuống rất nhanh.  + Quá trình xâm thực xảy ra mạnh.  - Sông ngòi ở đồng bằng:  + Lòng sông rộng, độ dốc nhỏ, uốn khúc quanh co và nước chảy chậm.  + Nước sông dâng lên, xuống chậm.  + Quá trình bồi tụ xảy ra mạnh. | 0,5  0,5 |
| ***b. Tại sao trong các biển và đại dương, chế độ thủy triều, sóng và dòng biển không giống nhau?***  - Sóng biển, thủy triều, dòng biển có nguyên nhân hình thành khác nhau  + Sóng chủ yếu là do gió, gió càng mạnh thì sóng càng to. Riêng sóng thần có nguyên nhân hình thành là do động đất, núi lửa phun ngầm dưới đáy biển hoặc bão.  + Thủy triều do lực hấp dẫn của Mặt Trăng và Mặt Trời  + Dòng biển: chủ yếu là do gió. Ngoài ra, còn do sự chênh lệch nhiệt độ, độ mặn, áp suất, tỉ trọng nước ở các nơi khác nhau trong đại dương.  - Trong các biển và đại dương và vào các thời gian khác nhau, tác động của các nhân tố hình thành nên sóng, thủy triều, dòng biển khác nhau nên chế độ thủy triều, sóng và dòng biển không giống nhau. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu III (4,0 điểm)** | **1** | **Khí quyển – lý thuyết chung** | ***2,0*** |
| ***a. Vì sao độ ẩm tương đối ở Xích đạo và vùng cực đều cao nhưng ở xích đạo mưa nhiều còn ở vùng cực mưa ít?***  - Độ ẩm tương đối là tỉ lệ phần trăm giữa độ ẩm tuyệt đối và độ ẩm bão hoà của không khí ở cùng nhiệt độ. Độ ẩm tương đối phụ thuộc vào nhiều yếu tố, quan trọng nhất là nhiệt độ và lượng hơi nước trong khí quyển.  - Độ ẩm tương đối ở xích đạo và vùng cực đều cao do:  + Ở Xích đạo: Mặc dù nhiệt độ cao nhưng lượng hơi nước trong khí quyển lớn (do có áp thấp, diện tích đại dương lớn, nhiều rừng, có dòng biển nóng, hoạt động của đối lưu nhiệt phát triển mạnh) nên độ ẩm tương đối cao (> 80%).  + Ở vùng cực: Do nhiệt độ quanh năm thấp, làm cho độ ẩm bão hoà thấp, không khí luôn đạt gần điểm bão hoà hơi nước nên độ ẩm tương đối cao.  - Mặc dù độ ẩm đều cao, nhưng lượng mưa khác nhau do:  + Xích đạo: Mưa nhiều, do đây là vùng áp thấp ổn định, lượng bốc hơi lớn, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới…  + Vùng cực: Mưa ít, do nhiệt độ thấp, hơi nước không bốc hơi lên được, không khí khó bão hoà nên không sinh ra mưa. Các nguyên nhân khác: áp cao, bề mặt đệm phủ băng tuyết… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b. Tại sao giữa chí tuyến và địa cực có sự khác nhau về nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm, khí áp?***  - Nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn ở địa cực do  + Chí tuyến có nhiệt độ cao do vĩ độ thấp, góc nhập xạ lớn hơn, diện tích lục địa rộng, không khí khô.  + Địa cực nhiệt độ thấp do góc nhập xạ nhỏ, bề mặt chủ yếu là băng tuyết....  - Biên độ nhiệt độ trung bình năm  + Chí tuyến thấp hơn do sự chênh lệch góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng giữa 2 mùa nhỏ hơn…  + Địa cực vào mùa đông không nhận được ánh sáng Mặt Trời, mặt đất tỏa nhiệt trong thời gian dài, nhiệt độ thấp còn mùa hạ nhận được tổng lượng bức xạ MT lớn, nền nhiệt độ cao hơn.  - Khí áp  + Ở chí tuyến có áp cao hình thành do động lực: gió từ trên cao giáng xuống hình thành áp cao…  + Địa cực: có nhiệt độ thấp, hình thành áp cao nhiệt lực; | 0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Khí quyển nâng cao + biến đổi khí hậu** | ***2,0*** |
| ***a. Vì sao cùng có mưa quanh năm nhưng ở kiểu khí hậu Xích đạo mưa lớn, thường xuyên còn ở kiểu khí hậu ôn đới hải dương mưa ít hơn, thất thường, mưa nhiều hơn vào thu đông?***  **- Xích đạo:** Mưa lớn đều quanh năm do  + Nhiệt độ cao quanh năm kết hợp với bề mặt địa hình chủ yếu là đại dương làm cho mưa đối lưu nhiệt phát triển mạnh  + Ảnh hưởng của áp thấp Xích đạo, dòng biển nóng, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới với tầng ẩm dày  **- Ôn đới hải dương:** mưa ít hơn, thất thường hơn, mưa nhiều hơn vào thu đông do  + Mưa quanh năm do ảnh hưởng của đai áp thấp ôn đới, gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, frong ôn đới và frong cực.  + Nhiệt độ trung bình thấp nên khả năng bốc hơi nước kém hơn ở Xích đạo, do đó nên có lượng mưa ít hơn  + Các yếu tố gây mưa: khí xoáy, gió Tây ôn đới, frong đều có diễn biến thất thường, gây nên sự thất thường trong chế độ mưa.  Mưa nhiều hơn vào thu đông do khi đó frông cực và frông ôn đới hoạt động mạnh mẽ. | 0,5  0,5 |
| ***b. Nội lực ảnh hưởng như thế nào đến biến đổi khí hậu trên trái đất?***  **- Khái quát về nội lực**  + Khái niệm và nguyên nhân của nội lực  + Các quá trình của nội lực dẫn đến sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, các hoạt động động đất, núi lửa  **- Khái niệm biến đổi khí hậu**  **- Tác động của nội lực đến biến đổi khí hậu**  + Các mảng kiến tạo luôn dịch chuyển với tốc độ từ vài mm đến 15cm/năm, trong hàng triệu năm sẽ làm cho một vùng nào đó di chuyển từ vĩ độ này đến vĩ độ khác, nên khí hậu vùng đó cũng thay đổi.  + Những đợt phun trào núi lửa sẽ phát thải lượng lớn tro bụi và các chất khí (SO2,…) vào bầu khí quyển, có thể lơ lửng từ vài tháng cho đến vài năm và phân tán trên một không gian rộng lớn trong tầng bình lưu. Khí SO2 kết hợp với hơi nước tạo thành axit sunfuric có khả năng phản hồi lượng lớn bức xạ mặt trời vào vũ trụ cũng khiến khí hậu trái đất thay đổi | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu IV (3,0 điểm)** | **1** | **Dân cư đại cương** | ***2,0*** |
| ***a. Phân biệt tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.***   * + *Định nghĩa và cách tính*   + Tỉ suất sinh thô: Là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra còn sống trong năm so với số dân trung bình ở cùng một thời điểm.  + Tỉ suất tử thô: Là tương quan giữa số người chết đi trong năm so với số dân trung bình ở cùng một thời điểm.   * + *Ý nghĩa*   + Tỉ suất sinh thô chỉ phản ánh tương đối chính xác mức sinh của dân cư.  + Tỉ suất tử thô phản ánh mức tử vong của dân cư.   * + *Nhân tố tác động*   + Tỉ suất sinh thô phụ thuộc vào nhân tố tự nhiên – sinh học, phong tục tập quán và tâm lí – xã hội, trình độ phát triển kinh tế, chính sách dân số.  + Tỉ suất tử thô phụ thuộc vào thiên tai (động đất, núi lửa, bão...), mức sống của dân cư, môi trường sống, trình độ y học, chiến tranh, bệnh tật...   * + *Đặc điểm ở 2 nhóm nước (PT và ĐPT)*   + Tỉ suất sinh thô chênh lệch lớn giữa 2 nhóm nước, các nước phát triển thấp hơn nhiều các nước đang phát triển.  Tỉ suất tử thô không chênh lệch nhiều giữa 2 nhóm nước trong đó các nước phát triển lại có tỉ suất tử thô cao hơn các nước đang phát triển. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b. Tại sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân ngày càng có xu hướng tăng lên?***  Do các nhân tố tác động đến tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân có nhiều thay đổi.  - Cơ cấu dân số theo độ tuổi có sự thay đổi: Xu hướng giảm sinh phổ biến nhiều nước trên thế giới, tuổi thọ trung bình tăng lên, cơ cấu dân số già và chuyển sang già hóa hoặc cân đối hơn. Vì vậy số người trong độ tuổi lao động tăng lên, dấn số hoạt động kinh tế tăng lên.  - Đặc điểm kinh tế - xã hội của thế giới cũng thay đổi: Sự phát triển mạnh của khu vực công nghiệp và dịch vụ thu hút lao động nhiều và tạo ra việc làm thường xuyên hơn.  - Khả năng tạo việc làm cho người lao động tốt hơn và đa dạng hơn.  - Sự phát triển của giáo dục, làm cho chất lượng nguồn lao động tăng lên. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Tại sao tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước đang phát triển gần đây nhanh hơn các nước phát triển?** | ***1,0*** |
| - Các nước phát triển:  + đã tiến hành công nghiệp hóa nên tốc độ tăng tỉ lệ dân thành thị chậm, số dân thành thị đã cao và ổn định.  + chênh lệch điều kiện sống giữa thành thị và nông thôn không nhiều vì thế có hiện tượng di dân từ thành thị về nông thôn nên tỉ lệ dân thành thị tăng chậm hoặc giảm.  - Các nước đang phát triển:  + đang ở giai đoạn đầu của quá trình CNH nên từ chỗ tỉ lệ dân thành thị rất thấp đã tăng lên nhanh chóng.  + các nước đang phát triển, quá trình di dân ồ ạt của dân nông thôn và những người thất nghiệp vào thành phố tìm kiếm việc làm nên tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh chóng (Đô thị hóa giả). | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu V (5,0 điểm)** | **1** | **Nguồn lực phát triển kinh tế và cơ cấu nền kinh tế** | ***2,0*** |
| ***a. Phân tích mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài của một quốc gia.***  - Khái niệm nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài  - Mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài: + Nguồn lực bên ngoài (vốn, kinh nghiệm,...): Thúc đẩy, hỗ trợ việc khai thác có hiệu quả nguồn lực bên trong. +Nguồn lực bên trong: Tạo sự hấp dẫn, thu hút, định hướng việc huy động các nguồn lực bên ngoài. Nguồn lực bên trong có tính quyết định, do phản ánh thực lực của một quốc gia, đảm bảo cho sự phát triển bền vững, không lệ thuộc hoàn toàn từ bên ngoài. | 0,25  0,25  0,5 |
| ***b. Quá trình công nghiệp hoá có tác động như thế nào đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ?***  - Khái niệm Công nghiệp hoá: là quá trình chuyển từ nền sản xuất chủ yếu là nông nghiệp sang nền kinh tế chủ yếu sản xuất công nghiệp, có tác động lớn đến chuyển dịch cơ cấu theo ngành và theo lãnh thổ.  - Tác động  + Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành: làm tăng tỉ trọng của công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; nâng cao vị thế và vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế của quốc gia.  + Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ: Sản xuất công nghiệp phát triển mở rộng sự phân bố, phát huy thế mạnh của mỗi vùng, đẩy mạnh chuyên môn hoá sản xuất, hình thành các vùng công nghiệp. | 0,25  0,25  0,5 |
| **2** | ***Bảng số liệu*** | ***3,0*** |
|  | **Nhận xét:**  Giai đoạn 1860 – 2021, cơ cấu năng lượng của thế giới nước ta có sự thay đổi theo hướng: giảm tỉ trọng củi, than đá; tăng tỉ trọng dầu khí đốt, năng lượng nguyên tử, thủy điện, năng lượng mới. | 1,0 |
| **Giải thích:**  - Than, củi giai đoạn đầu chiếm tỉ trọng cao do được coi là nguồn năng lượng truyền thống, quan trọng; tỉ trọng giảm do gây ô nhiễm môi trường, nhiệt lượng kém hơn các nguồn năng lượng còn lại.  - Dầu khí tăng do thuộc tính quý báu như khả năng sinh nhiệt lớn, không để lại tro, thuận lợi trong việc sử dụng và vận chuyển nên nhanh chóng thay thế than đá và chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu sử dụng năng lượng hiện nay trên thế giới.  - Năng lượng nguyên tử tăng do trong những năm gần đây có sự chạy đua của nhiều nước, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển và công nghệ cao.  - Nguồn năng lượng mới tăng mạnh như năng lượng mặt trời, gió do ít gây ô nhiễm môi trường, là nguồn năng lượng sạch có thể tái tạo và đang là xu hướng mới trong việc sử dụng năng lượng, hướng tới phát triển bền vững. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI: CÂU I+CÂU II+CÂU III+ CÂU IV+ CÂU V=20,0 ĐIỂM** | | | |